

# MÔ HÌNH VẬN ĐỘNG VIÊN ĐẤU KIẾM CẤP CAO VIỆT NAM NỘI DUNG KIẾM BA CẠNH

PGS.TS. Bùi Ngọc<sup>1</sup>; ThS. Lưu Ngọc Hoàn<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Bằng những phương pháp nghiên cứu thường quy, bài báo đã xác định được 39 chỉ số và xây dựng được mô hình vận động viên cấp cao môn đấu kiếm nội dung kiếm ba cạnh. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong định hướng tuyển chọn, huấn luyện, đánh giá trình độ tập luyện của vận động viên và hướng đến thành tích cho các vận động viên trên các đấu trường quốc tế.

**Từ khóa:** Mô hình, vận động viên cấp cao, đấu kiếm, Kiếm ba cạnh

**Summary:** Using standard research methods, this paper identified 39 indicators and developed a model for elite épée fencers. The research results are significant for guiding the selection, training, and assessment of athletes' training levels, aiming for achievements in international competitions.

**Keywords:** Model, elite athletes, fencing, épée



Ảnh minh họa (nguồn Internet)

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiếm ba cạnh (tiếng Pháp gọi là Epée) là một trong ba nội dung trong môn đấu kiếm. Vùng đâm ghi điểm của kiếm ba cạnh là toàn thân (trừ gáy). Luật thi đấu quy định chỉ cần đâm trúng đối thủ trước sẽ có điểm, trong trường hợp cả hai cùng đâm trúng thì mỗi bên đều được điểm. Do vậy, Kiếm ba cạnh trừ yêu cầu kỹ thuật toàn diện, tinh tế, đa dạng, tính thực dụng ra thì yêu cầu đặc trưng lớn nhất của kiếm ba cạnh đó là sự chính xác và tốc độ.

Điều này phụ thuộc vào các chỉ số liên quan đến hình thái, sinh lý, sinh hóa, sinh cơ, tâm lý, thể lực và sự nhuần nhuyễn của kỹ chiến thuật. Vì vậy, việc xác định mô hình vận động viên (VĐV) đấu kiếm cấp cao nội dung kiếm ba cạnh có ý nghĩa quan trọng trong định hướng tuyển chọn và huấn luyện để nâng cao thành tích thi đấu cho VĐV.

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn tọa đàm; kiểm tra y sinh; kiểm tra sinh cơ học; kiểm tra tâm lý; kiểm tra sự phạm; toán thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 2.1. Xây dựng mô hình VĐV đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung kiếm ba cạnh.

Để xây dựng được mô hình VĐV đấu kiếm cấp

cao Việt Nam, nghiên cứu đã tiến hành thực hiện theo các bước sau: Thông qua các bước tổng hợp các chỉ tiêu, test đặc trưng; Phỏng vấn các nhà khoa học, các huấn luyện viên để lựa chọn các chỉ tiêu, test đặc trưng và xác định tính tin cậy giữa hai lần lập test và tính thông báo của các chỉ số với thành tích thi đấu của nội dung kiếm ba cạnh; cho thấy sự đồng đều về thành tích, thể hiện ở mức độ phân tán dữ liệu thấp với  $Cv < 10\%$ , mức độ sai số tương đối của số trung bình cộng cho phép nằm trong phạm vi cho phép với  $\epsilon < 0.05$ , kiểm định bằng chỉ tiêu W Shapyyro – Wilk cho thấy  $W_{\text{tính}} \text{ đều} > W_{\text{bảng}} = 0.818$  ở ngưỡng xác suất  $P < 0.05$  ở cả 3 lần kiểm tra.

Kết quả đã xác định được 39 chỉ số, test trong 7 nhóm cấu thành, gồm nhóm hình thái (4 chỉ số); Nhóm sinh hóa (6 chỉ số); Nhóm sinh lý (5 chỉ số); Nhóm sinh cơ (4 chỉ số); Nhóm tâm lý (5 chỉ số); Nhóm thể lực (7 chỉ số); Nhóm kỹ chiến thuật (8 chỉ số).

Trên cơ sở đó, chúng tôi đã tiến hành kiểm tra và theo dõi sự phát triển các chỉ số ở 10 nam và 10 nữ VĐV đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm ba cạnh ở các thời điểm sau 3 tháng và sau 6 tháng huấn luyện. Kết quả cho thấy các chỉ số sau 6 tháng huấn luyện có sự tăng trưởng tốt hơn ở các thời điểm trước và được chúng tôi xác định là những chỉ số lý

tương để xây dựng mô hình cho nam và nữ VĐV  
đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm ba cạnh.

Kết quả xây dựng mô hình VĐV đấu kiếm cấp  
cao Việt Nam nội dung kiếm ba cạnh được trình bày

**Bảng 1. Mô hình nam VĐV đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung kiếm ba cạnh**

TT	Nhóm	Chỉ số, test	Kết quả
1	<b>Hình thái</b>	Chiều cao đứng (cm)	184.60
2		Cân nặng (kg)	78.82
3		Chiều dài tay (cm)	81.66
4		Chiều dài chân (cm)	107.30
5	<b>Sinh hóa</b>	Hb (Hemoglobine) (g%)	15.36
6		Ure huyết (mmol/lít)	6.77
7		Acid lactic máu (mmol/lít)	2.15
8		Urobilinogen niệu (mmol/l)	4.43
9		Creatinine niệu	1.60
10		Protein niệu	28.06
11	<b>Sinh lý</b>	Tần số hô hấp (l/p)	13.30
12		Dung tích sống (VC) (lít)	5.61
13		VO <sub>2</sub> /kg (chỉ số hấp thụ oxy tương đối (l/p)	4.52
14		VO <sub>2</sub> max, (chỉ số hấp thụ oxy tối đa (ml/ph/kg)	57.53
15		Thông khí phổi/phút -VE (lít)	153.60
16	<b>Sinh cơ</b> Bước một bước đạp kiếm 4 tấn công ngực, nhảy lùi (10 lần)	Thời gian phản xạ trung bình T (ms)	11.07
17		Thời gian dùng lực trung bình t (ms)	3.53
18		Đỉnh lực trung bình (F) (kG)	50.80
19		Xung lực trung bình (P = F.t) (kGms)	56.25
20	<b>Tâm lý</b>	Phản xạ đơn (ms)	156.93
21		Phản xạ phức (ms)	279.62
22		Chú ý tổng hợp (p)	4.83
23		Độ ổn định chú ý (đ)	26.50
24		Nỗ lực ý chí	47.84
25	<b>Thể lực</b>	Chạy 30m (s)	4.24
26		Chạy 1500m (p) (nam)	5.22
27		Di chuyển ngang qua lại 3m, tay chạm mốc 10 lần (s)	11.06
28		Di chuyển bộ pháp đấu kiếm tiến lùi các mốc 4m, 6m, 8m (s)	12.75
29		Di chuyển tốc độ nhanh nhất 6m, bật cao rút gối 5 lần, di chuyển lùi tốc độ về vạch xuất phát và chạy tốc độ lên 14m (s)	9.67
30		Nhảy dây kép 60 s (lần)	95.40
31		Di chuyển bộ pháp tiến lùi 3 lần x14m (s)	25.90
32	<b>Kĩ chiến thuật</b>	Bước một bước đạp kiếm 4 tấn công ngực, nhảy lùi về 20s (Lần)	20.30
33		Bước một bước đạp kiếm 2 tấn công ngực, nhảy lùi về 20s (lần)	20.50
34		Nhảy lùi phòng thủ 4, tiến đâm 20s (lần)	24.30
35		Nhảy lùi phòng thủ 6, tiến đâm 20s (lần)	25.00
36		Nhảy lùi phòng thủ 8, tiến đâm 20s (lần)	26.20
37		Tại chỗ đứng bộ pháp đạp kiếm số 4-7, 6-8 trong 20s (Lần)	11.30
38		Cầm kiếm hỗ trợ 1kg thực hiện kỹ thuật đỡ 2 vòng 4-6 và 7-8 trong 20s (Lần)	10.70
39		Di chuyển bộ pháp 2m-4m-2m thực hiện 5 lượt (s)	13.00

Bảng 2. Mô hình nữ VĐV đấu kiếm cấp cao Việt Nam nội dung kiếm ba cạnh

TT	Nhóm	Chỉ số, test	Kết quả
1	Hình thái	Chiều cao đứng (cm)	171.70
2		Cân nặng (kg)	57.80
3		Chiều dài tay (cm)	75.98
4		Chiều dài chân (cm)	96.30
5	Sinh hóa	Hb (Hemoglobine) (g%)	13.03
6		Ure huyết (mmol/lít)	7.41
7		Acid lactic máu (mmol/lít)	2.39
8		Urobilinogen niệu (mmol/l)	4.66
9		Creatinine niệu	1.72
10		Protein niệu	28.18
11	Sinh lý	Tần số hô hấp (l/p)	14.80
12		Dung tích sống (VC) (lít)	4.07
13		VO <sub>2</sub> /kg (chỉ số hấp thụ oxy tương đối (l/p)	3.58
14		VO <sub>2</sub> max, (chỉ số hấp thụ oxy tối đa (ml/ph/kg)	51.23
15		Thông khí phổi/phút –VE (lít)	149.30
16	Sinh cơ (Bước một bước đạp kiếm 4 tấn công ngực, nhảy lùi (10 lần))	Thời gian phản xạ trung bình T (ms)	13.33
17		Thời gian dùng lực trung bình t (ms)	4.73
18		Đỉnh lực trung bình (F) (kG)	39.44
19		Xung lực trung bình (P = F.t) (kGms)	52.62
20	Tâm lý	Phản xạ đơn (ms)	169.13
21		Phản xạ phức (ms)	291.82
22		Chú ý tổng hợp (p)	6.34
23		Độ ổn định chú ý (đ)	24.50
24		Nỗ lực ý chí	45.58
25	Thể lực	Chạy 30m (s)	5.27
26		Chạy 800m (p) (Nữ)	3.72
27		Di chuyển ngang qua lại 3m, tay chạm mốc 10 lần (s)	12.61
28		Di chuyển bộ pháp đấu kiếm tiến lùi các mốc 4m, 6m, 8m (s)	14.80
29		Di chuyển tốc độ nhanh nhất 6m, bật cao rút gó 5 lần, di chuyển lùi tốc độ về vạch xuất phát và chạy tốc độ lên 14m (s)	10.40
30		Nhảy dây kép 60 s (lần)	85.80
31		Di chuyển bộ pháp tiến lùi 3 lần x14m (s)	28.42
32	Kĩ chiến thuật	Bước một bước đạp kiếm 4 tấn công ngực, nhảy lùi về 20s (Lần)	17.70
33		Bước một bước đạp kiếm 2 tấn công ngực, nhảy lùi về 20s (lần)	18.00
34		Nhảy lùi phòng thủ 4, tiến đâm 20s (lần)	21.80
35		Nhảy lùi phòng thủ 6, tiến đâm 20s (lần)	22.60
36		Nhảy lùi phòng thủ 8, tiến đâm 20s (lần)	23.70
37		Tại chỗ đứng bộ pháp đạp kiếm số 4-7, 6-8 trong 20s (Lần)	9.20
38		Cầm kiếm hỗ trợ 1kg thực hiện kỹ thuật đỡ 2 vòng 4-6 và 7-8 trong 20s (Lần)	8.60
39		Di chuyển bộ pháp 2m-4m-2m thực hiện 5 lượt (s)	16.00

ở bảng 1 và 2.

## 2.2. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình VĐV cấp cao môn đấu kiếm nội dung Kiếm ba cạnh.

Để có thể đánh giá được những VĐV chiều hướng phát triển tốt, theo tham khảo ý kiến của các chuyên gia, có thể đánh giá các VĐV theo hướng sẽ đạt bao nhiêu chỉ số, test trong tổng số 39 chỉ số, test của mô hình.

Trên cơ sở này, nghiên cứu đề xuất cách đánh giá mô hình VĐV cấp cao theo 4 mức: xuất sắc, khá, trung bình, dưới trung bình. Trong đó, số lượng các chỉ số, test cần phải đạt của mỗi mức là:

Mức xuất sắc: từ 91-100% chỉ số, test đạt hoặc vượt thành tích trong mô hình. Tương đương phải đạt từ 32-36/39 chỉ số, test trong mô hình.

Mức khá: từ 71-90% chỉ số, test đạt hoặc vượt thành tích trong mô hình. Tương đương phải đạt khoảng từ 25-31/39 chỉ số, test trong mô hình.

Mức trung bình: từ 50-70% chỉ số, test đạt hoặc vượt thành tích trong mô hình. Tương đương phải đạt từ 18-24/39 chỉ số, test trong mô hình.

Mức dưới trung bình: đạt dưới 50% chỉ số, test đạt hoặc vượt thành tích trong mô hình. Tương đương dưới 18/39 chỉ số, test trong mô hình.

Để đảm bảo tính khách quan về các mức đánh giá mô hình VĐV cấp cao nội dung kiếm ba cạnh theo 4 mức đánh giá ở trên, tác giả tiến hành phỏng vấn 28 các nhà khoa học và các nhà chuyên môn về tính phù hợp của các mức đánh giá này. Kết quả trình bày tại bảng 3.

Qua kết quả của bảng 3 cho thấy: các ý kiến của các nhà khoa học và nhà chuyên môn đều đánh giá phù hợp ở các mức từ 96.43-100%.

## 3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được mô hình nam và nữ VĐV cấp cao Việt Nam nội dung Kiếm ba cạnh gồm 39 chỉ số, test cùng những thông số

tương ứng với mỗi chỉ số, test của từng yếu tố hình thái, sinh lý, sinh hóa, sinh cơ, tâm lý, thể lực và kỹ chiến thuật. Đồng thời, đề xuất được 4 mức đánh giá để đánh giá trình độ nam và nữ VĐV cấp cao, cụ thể: mức xuất sắc đạt từ 33-36/39 chỉ số, test; mức khá đạt từ 26-32/39; mức trung bình đạt từ 18-25/39; mức dưới trung bình dưới 18/39 chỉ số, test trong mô hình.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Việt Bảo (năm 2018), *Nghiên cứu xác định mô hình VĐV cấp cao một số môn thể thao trọng điểm (cử tạ, Bơi lội, Điền kinh, Thể dục dụng cụ, Bắn súng)*, Đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Dương Nghiệp Chí, Lâm Quang Thành, Trần Đức Dũng, Đặng Văn Dũng, Nguyễn Danh Hoàng Việt (2014), *Lý luận Thể thao thành tích cao*, Nxb TDTT Hà Nội.

3. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái (2002), *Công nghệ đào tạo VĐV trình độ cao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Lý (2018), *Mô hình VĐV cấp cao môn Thể dục*, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh năm 2018.

5. Ngô Hữu Thắng (2022), *Nghiên cứu xây dựng mô hình nam VĐV cấp cao môn CL qua các giá trị sinh học, sự phạm và tâm lý*, Luận án tiến sĩ Viện Khoa học Thể dục thể thao.

**Nguồn bài báo:** được trích từ kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học công nghệ cấp bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (năm 2022-2023) “Ứng dụng công nghệ 4.0 để xây dựng mô hình VĐV cấp cao môn đấu kiếm”. Chủ nhiệm đề tài PGS.TS Bùi Ngọc. Email: Ngocvkhdttdt@gmail.com.

**Ngày nhận bài:** 5/1/2024; **Ngày duyệt đăng:** 28/2/2024

**Bảng 3. Kết quả phỏng vấn các mức đánh giá mô hình VĐV cấp cao môn đấu kiếm nội dung Kiếm ba cạnh (n=28)**

TT	Mức đánh giá	Đánh giá		Kết quả			
		Tỷ lệ thành tích/chỉ số test	Số lượng chỉ số, test cần đạt	Phù hợp		Không phù hợp	
				n	%	n	%
1	Mức xuất sắc	91-100%	33-36/39	28	100.00	0	0.00
2	Mức khá	71-90%	26-32/39	28	100.00	0	0.00
3	Mức trung bình	50-70%	18-25/39	27	96.43	1	3.57
4	Mức dưới trung bình	đạt dưới 50%	<18/39	27	96.43	1	3.57